

UNIT 12:

AN OVERCROWDED WORLD

A CLOSER LOOK 1

- malnutrition	(n): bệnh suy dinh dưỡng
- dense	(adj): đông đúc
- density	(n): mật độ dân số
- crime	(n): tội ác, tội phạm
- commit	(v): bỏ tù, tống giam
- commit a crime	(v): phạm một tội ác
- criminal	(adj): có tội, phạm tội
- criminal	(n): tội phạm, người phạm tội
- spread	(v): lan truyền, lan toả
- stressful	(adj): gây ra căng thẳng
- die	(v) : chết
- dead	(adj): chết
- death	(n): cái chết

<https://www.liveworksheets.com/bn3002776jm>